| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TÂN BIÊN**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 17/2018/DS-ST
Ngày: 14-6-2018
V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Khắc Hòa;

2. Bà Hồ Thị Mỹ Phượng.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Huỳnh Như, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà:*** Bà Trần Thị Thu Lan, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 370/2017/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2017 về "Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2018/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1972; cư trú tại: Tổ 6, ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh, "Có mặt".

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Thu T, sinh năm 1971; cư trú tại: ấp T, xã P, C, tỉnh Tây Ninh, "Vắng mặt".

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Thị D, sinh năm 1977; cư trú tại: Số 9Y, đường Q, khu phố Y, phường P, thành phố T, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 25/11/2017), "Vắng mặt".

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 11 năm 2017 của nguyên đơn – ông Nguyễn Văn H và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông H trình bày:*

Ông Nguyễn Văn H có 01 phần diện tích đất 1,5 ha thuộc thửa số 115, tờ bản đồ số 20B tọa lạc tại Tổ 4, ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 7850 $m^2$ (Phần còn lại đang chờ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) trên đất có trồng 998 cây cao su từ năm 2009, khai thác mủ từ năm 2015 đến nay. Vườn cây cao su của ông giáp đất của bà Lê Thị Thu T về hướng Bắc. Ngày 16/9/2017 bà T có dọn dẹp và đốt rác xung quanh phần đất của bà. Do khu vực xung quanh đất của bà T trước kia là khu vực tập kết ve chai, bà T đốt rác không có biện pháp bảo vệ an toàn trong nhiều ngày nên khói màu đen bốc lên cả khu vực lân cận trong đó có cả cây cao su của ông.

Đến ngày 28/9/2017 ông H phát hiện vườn cây cao su của ông bị vàng và rụng lá, ông đã báo chính quyền địa phương xã L, cán bộ huyện và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh thì bà T mới thuê người về bơm nước dập tắt đám cháy. Việc bà T đốt rác từ ngày 16/9/2017 đến ngày 28/9/2017 do sức nóng và khói của đám cháy đã làm cao su của ông bị vàng và rụng lá khoảng 500 cây, từ ngày xảy ra thiệt hại cao su của ông phải ngưng cạo. Theo biên bản hòa giải ngày 11/10/2017 và ngày 27/10/2017 tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh ông H yêu cầu bà T bồi thường số tiền 23.000.000 đồng bà T không đồng ý.

Trong đơn khởi kiện ông H yêu cầu bà T có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại số tiền 45.150.000 đồng, trong đó gồm: Tiền mất thu nhập từ ngày 28/9/2017 đến ngày 15/02/2018 là 37.400.000 đồng; Tiền phân bón chăm sóc phục hồi cao su 10 bao phân NPK (20-20-15) x 680.000 đồng/01 bao = 6.800.000 đồng; Tiền thuê người bỏ phân 500.000 đồng/01 ngày; Tiền thuê công cày 450.000 đồng/01 ngày.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án ông H đã thay đổi yêu cầu bồi thường theo đó ông chỉ yêu cầu bà T bồi thường theo mức thiệt hại mà Hội đồng đã định giá ngày 22/3/2018 với số tiền mủ không thu hoạch được từ ngày 28/9/2017 đến ngày 23/01/2018 là 24.221.000 đồng; Tiền phân bón chăm sóc phục hồi cao su 10 bao phân NPK (20-20-15) x 680.000 đồng/01 bao = 6.800.000 đồng; Tiền thuê người bỏ phân 500.000 đồng/01 ngày; Tiền thuê công cày 450.000 đồng/01 ngày.

Tổng cộng ông H yêu cầu bà T bồi thường số tiền 31.971.000 đồng.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 24 tháng 11 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – bà Lê Thị Thu T trình bày:*

Bà Lê Thị Thu T có phần đất tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh, phần đất này bà vừa được Chi cục Thi hành án dân sự huyện B giao đất qua việc mua đấu giá của Trung tâm bán đấu giá K. Khi mua phần đất trên đất còn một số loại ve chai còn tồn đọng lại, nằm giáp phần đất của bà là vườn cao su của ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Đức D. Bà thừa nhận bà có đốt rác vào ngày 22/9/2017 bà không biết gần khu vực bà đốt rác có hầm chứa ve chai nên khi đốt rác xong bà khóa cửa về nhà bên C, sau đó bà có nghe người dân xung quanh báo lại sự việc thì bà có thuê người đến bơm nước dập lửa. Việc bà đốt rác do sức nóng của khói lan sang làm vàng và rụng lá cây cao su

của ông H bà cho rằng cao su của ông H thiệt hại không đến 500 cây, vì sau khi xảy ra sự việc bà có quay lại vườn cao su của ông H để xem thiệt hại, bà có đếm cây cao su của ông H thì bị rụng và vàng lá khoảng 29 cây.

Nay ông H yêu cầu bà bồi thường số tiền thiệt hại cao su không thu hoạch và tiền bón diêm tro, công cày tổng cộng là 45.150.000 đồng bà không đồng ý vì số tiền này chênh lệch nhiều so với khi hòa giải tại Uỷ ban nhân xã L và vượt quá khả năng, điều kiện kinh tế của bà.

*Tại bản tự khai ngày 18/01/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của bị đơn - bà Lê Thị D trình bày:*

Bà Lê Thị Thu T có mua phần đất từ Trung tâm bán đấu giá K, theo hợp đồng bán đấu giá tài sản số 674 ngày 11/8/2016 tại Điều 1 mô tả về tài sản bán đấu giá thì đất bà Thảo chỉ có 1 căn nhà tạm loại A diện tích 34 $m^2$ mái che diện tích 333,7 $m^2$ và nhà tạm thuộc thửa số 231, tờ bản đồ số 30 đất tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh, khi Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B giao nhà không thông báo về việc trên đất có hố rác, bản thân bà T không phải là dân địa phương và chưa cư trú trên phần đất này. Tứ cận đất của bà T phía Nam giáp đê Quốc phòng dài 27,93 m chứ không giáp đất của ông Hương. Đất của ông H về phía Bắc giáp đê Quốc phòng và có bề ngang khoảng 20 m (Thuộc thửa 215 tờ bản đồ số 20B). Khoảng cách từ hố rác trong đất bà T đến điểm đầu đất của ông H khoảng 60 m.

Bà T thừa nhận có đốt rác, tuy nhiên bà T không đồng ý với mức bồi thường của ông H do yêu cầu cảm tính không đúng với thực tế và không có cơ sở vì sô tiền ông H yêu cầu bồi thường do cây bị ảnh hưởng còn cao hơn cả mức bồi thường cây bị chết. Bà không đồng ý với kết quả mà Hội đồng định giá đã định giá vì bà cho rằng phải giám định mức độ thiệt hại của cây cao su thì mới có cơ sở để định giá. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H, bà T chỉ đồng ý hỗ trợ cho ông Hương số tiền 10.000.000 đồng, ngoài ra bà T không đồng ý bồi thường thêm khoản tiền nào.

**Tại phiên tòa:**

- Ông Nguyễn Văn H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà Lê Thị D vắng mặt không lý do.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sợ vụ án thể hiện việc bà T đốt rác đã gây thiệt hại đến cao su của ông H, ngoài việc mất thu nhập từ thu hoạch mủ cao su ông H còn phải đầu tư phân bón, thuê người chăm sóc cày xới đất để phục hồi cây

cao su. Do đó việc ông H yêu cầu bà T bồi thường thiệt hại về cây cao su bị rụng lá dẫn đến cây cao su bị mất sức, không thể thu hoạch mủ cao su và phải đầu tư chăm sóc để cây phục hồi là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy*:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Lê Thị Thu T có nơi cư trú tại ấp T, xã P, Huyện C, tỉnh Tây Ninh nhưng căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi mình cư trú, làm việc, có trụ sở hoặc nơi xảy ra việc gây thiệt hại giải quyết nên vụ án vẫn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Lê Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà D.

[3] Thời hiệu khởi kiện: Do thiệt hại về tài sản phát sinh vào ngày 28/9/2017 đến ngày 02/11/2017 ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Thu T bồi thường nên căn cứ vào Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 688 Bộ luật Dân sự xác định thời hiệu vẫn còn.

[4] Về nội dung vụ án:

Theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ông Nguyễn Văn H có vườn cây cao su nằm giáp ranh với phần diện tích đất của bà T, ngày 16/9/2017 bà T có dọn dẹp trên phần đất của bà và đốt rác, khu vực gần nơi bà T đốt rác là hầm chứa ve chai, khi đốt rác bà T không có biện pháp bảo vệ nên lửa cháy sang hầm chứa ve chai và các phế phẩm độc hại do khói và sức nóng cháy âm ỉ nhiều ngày đã ảnh hưởng đến vườn cây cao su của ông H bị rụng lá và vàng lá 474 cây hiện đã ngưng cạo từ ngày 28/9/2017.

Xét đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn H yêu cầu bà Lê Thị Thu T bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm thì thấy rằng:

Việc bà Lê Thị Thu T đốt rác nhưng không có biện pháp bảo vệ đã gây thiệt hại đến tài sản của ông Nguyễn Văn H là có thật, được thể hiện qua quá trình thu thập chứng cứ và các biên bản làm việc của Uỷ ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Đồng thời, tại buổi hòa giải ở cơ sở bà T thừa nhận tài sản của ông H có thiệt hại và bà đồng ý bồi thường nhưng do hoàn cảnh gia đình bà khó khăn nên bà xin được trả 02 lần, từ đó cho thấy việc ông H khởi kiện là có cơ sở chấp nhận.

Tại biên bản thẩm định ngày 30/01/2018 thể hiện: Cây cao su của ông H đang thay lá, hiện đã ngưng cạo, trong đó có 474 cây cao su đã mở cạo và 60 cây cao su chưa mở

cạo. Biên bản định giá ngày 23/3/2018 xác định sản lượng mủ thiệt hại đối với 474 cây cao su là 15,405 ký mủ khô/01 ngày cạo.

Ông H ngưng cạo từ ngày 28/9/2017 đến ngày 23/01/2018 là 117 ngày, cao su của ông Hương đang cạo D2 (02 ngày cạo 01 ngày) nên thiệt hại mủ cao su không thể thu hoạch được là 59 ngày. Sản lượng mủ thiệt hại của 474 cây cao su là (59 ngày x 15,405 ký) = 908.895 kg; (908.89 kg x 26.650 đồng/01 ký quy khô) = 24.221.000 đồng.

Tiền phân bón chăm sóc phục hồi cây cao su 10 bao phân NPK (20-20-15) x 680.000 đồng/01 bao = 6.800.000 đồng là phù hợp với số lượng thực tế và chứng từ ông H cung cấp cũng như lời khai của người làm chứng.

Tiền công thuê người bỏ phân và tiền thuê công cày là 950.000 đồng là phù hợp với lời khai của người làm chứng là anh Nguyễn Văn H1.

Tổng giá trị thiệt hại ông H yêu cầu là 31.971.000 đồng.

Theo quy định tại Điều 584 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định người nào gây thiệt hại đến tài sản của người khác thì phải bồi thường thiệt hại do hành vi của mình gây ra. Từ những căn cứ nêu trên việc ông H yêu cầu bà T bồi thường thiệt hại về tài sản bị xâm phạm là có căn cứ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H. Buộc bà T có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ thiệt hại cho ông H gồm: Tiền mất thu nhập mủ cao su số tiền 24.221.000 đồng; Tiền phân bón chăm sóc phục hồi cây cao su là 6.800.000 đồng; Tiền thuê người bón phân và tiền thuê công cày là 950.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 31.971.000 đồng.

Trong đơn khởi kiện ông H yêu cầu bà T bồi thường số tiền 45.150.000 đồng nhưng sau đó ông H đã rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 13.179.000 đồng, ông chỉ yêu cầu bà T bồi thường số tiền 31.971.000 đồng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 13.179.000 đồng.

[5] Về chi phí thẩm định, định giá tài sản số tiền là 1.400.000 đồng. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã nộp tạm ứng chi phí thẩm định tài sản số tiền 700.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí định giá tài sản số tiền 700.000 đồng. Do yêu cầu của ông H được chấp nhận nên bà T phải chịu tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ghi nhận bà T đã nộp xong chi phí thẩm định tài sản, bà T có nghĩa vụ hoàn trả cho ông H số tiền 700.000 đồng chi phí định giá tài sản.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lê Thị Thu T phải chịu 1.598.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của ông H được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về "Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm".

2. Buộc bà Lê Thị Thu T có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Nguyễn Văn H số tiền 31.971.000 (ba mươi một triệu, chín trăm bảy mươi một nghìn) đồng, trong đó gồm: Tiền mất thu nhập mủ cao su là 24.221.000 đồng; tiền phân bón 10 bao phân NPK (20-20-15) x 680.000 đồng/01 bao = 6.800.000 đồng; tiền thuê người bón phân, tiền thuê công cày 950.000 đồng.

3. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Buộc bà Lê Thị Thu T phải chịu 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng chi phí thẩm định tài sản, ghi nhận bà T đã nộp xong.

Buộc bà Lê Thị Thu T phải chịu 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng chi phí định giá tài sản. Buộc bà Lê Thị Thu T có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng chi phí định giá tài sản.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Thị Thu T không trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bà T còn phải trả cho ông H số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H đối với số tiền 13.179.000 (mười ba triệu, một trăm bảy mươi chín nghìn) đồng.

5. Về án phí: Buộc bà Lê Thị Thu T phải chịu 1.598.000 (một triệu năm trăm chín mươi tám nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm (làm tròn).

Ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền 1.128.000 (một triệu một trăm hai mươi tám nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông H đã nộp theo biên lai thu số 0004722 ngày 07/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

6. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Phòng KTNV.TAT (1);
- VKS huyện Tân Biên (2);
- Chi cục THADS huyện Tân Biên (1);
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ ($N^3$).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**ĐÃ KÝ**

**Nguyễn Văn Nam**